

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2017/HSST.

Ngày 26-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Duy Niên
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuyên Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2017/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/HSST-QĐ ngày 13/9/2017 đối với các bị cáo:

- Mai Văn T - Sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh;

Con ông Mai Xuân L (đã chết) và bà Phạm Thị V, sinh năm 1954; Có vợ: Vũ Thị Thanh N, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Năm 2002 thực hiện nghĩa vụ quân sự, đến năm 2004 xuất ngũ.

+ Bản án số 17/2008/HSST ngày 17/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt Mai Văn T 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 2 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong quyết định bản án ngày 18/4/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2017 đến ngày 27/4/2017 chuyển tạm giam.

(Có mặt)

- **Nguyễn Văn N** - Sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh

Con ông Nguyễn Văn H (là liệt sỹ) và bà Trần Thị T, sinh năm 1956.

Có vợ: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1976; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2017 đến ngày 27/4/2017 chuyển tạm giam.

(Có mặt)

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Bùi Thị V, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lò Thị N, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

- Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

Những người làm chứng:

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Đoàn Ngọc S, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Mai Văn T thuê nhà nghỉ B tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình của ông Phạm Văn T, cư trú tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, từ ngày 28/3/2017, mục đích để kinh doanh lưu trú, bị cáo đang làm thủ tục xin cấp giấy phép kinh doanh. Mai Văn T đã thuê Nguyễn Văn N đến làm nhân viên lễ tân tại nhà nghỉ B, mức lương 5.000.000đ/1 tháng, công việc cụ thể là thu tiền của khách đến thuê phòng, sắp xếp phòng và nếu khách có nhu cầu mua dâm thì bố trí gái mại dâm bán dâm cho khách, cuối ngày thanh toán lại tiền thu được trong ngày cho Mai Văn T và trực tiếp quản lý nhà nghỉ khi T vắng mặt.

Ngày 18/4/2017 chị Bùi Thị V và chị Lò Thị N đến gặp N xin vào làm nhân viên (bán dâm) tại nhà nghỉ, N đã báo cho T, T đồng ý và bố trí cho Bùi Thị V, Lò Thị N ở tại nhà nghỉ B, nuôi ăn uống sinh hoạt để bán dâm cho khách. T, N thống nhất: Nếu có khách đến mua dâm, N trực tiếp thu của khách 200.000đ/1 lượt mua dâm, xếp phòng, bố trí gái bán dâm cho khách, theo dõi, thanh toán tiền cho gái bán dâm 100.000đ/1 lượt bán dâm. Trong các ngày 19/4/2017 và 20/4/2017, V và Lò Thị N đã thực hiện việc bán dâm cho khách tại nhà nghỉ B, trong đó V bán dâm 6 lần, Lò Thị N bán dâm 7 lần, N là người trực tiếp thu tiền của khách, bố trí phòng cho khách và thanh toán tiền cho gái bán dâm và cho T vào cuối mỗi ngày. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/4/2017, khi anh Nguyễn Văn P đến đặt vấn đề mua dâm, N đã thu của anh P 200.000đ và sắp xếp cho V bán dâm cho P tại phòng 203 của nhà nghỉ; sau đó anh Nguyễn Thành L đến mua dâm, N sắp xếp cho Lò Thị N bán dâm cho L tại phòng 204 của nhà nghỉ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, tổ công tác đội 2, phòng PC45 Công an tỉnh Thái Bình tiến hành kiểm tra hành chính tại Nhà nghỉ B đã phát hiện bắt quả tang tại phòng 203, Bùi Thị V đang bán dâm cho Nguyễn Văn P và tại phòng 204, Lò Thị N đang bán dâm cho Nguyễn Thành L. Thu giữ tại các phòng 203, 204 mỗi phòng 01 bao cao su đã qua sử dụng. Ngoài ra còn thu giữ tại tủ sắt ở tầng 2 gần cầu thang cuối nhà nghỉ 01 hộp bao cao su (còn nguyên vẹn) và 29 bao cao su cùng nhãn hiệu OK Longshock chưa sử dụng; thu giữ của Nguyễn Văn N số tiền 1.200.000 đồng; 04 tờ giấy kẻ ô vuông kích thước (10x15)cm có ghi số phòng, có tờ giấy ghi giờ khách vào, có tờ giấy ghi tên “H”, “T”, “K”.

Bản cáo trạng số 74/KSĐT ngày 31 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố Mai Văn T, Nguyễn Văn N về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình luận tội, giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254;

điểm p khoản 1, Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Mai Văn T áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo Nguyễn Văn N áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Mai Văn T từ 04 năm đến 05 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 03 năm đến 04 năm tù. Áp dụng khoản 5 Điều 254; Điều 30 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền Mai Văn T từ 07 triệu đồng đến 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước; Không phạt tiền Nguyễn Văn N; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.200.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có; Buộc Mai Văn T phải nộp lại số tiền 1.300.000đ là tiền do phạm tội mà có trong các ngày 19/4/2017 và 20/4/2017 để sung quỹ Nhà nước; Tịch thu tiêu hủy số số bao cao su đã quản lý. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên và của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:

Cơ quan điều tra đã thu thập hợp pháp các tài liệu chứng cứ sau:

- Biên bản phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 15 giờ 15 phút ngày 21/4/2017 tại nhà nghỉ B, ở thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. (Bút lục từ số 12 đến số 15).

- Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu lập hồi 16 giờ 23 phút ngày 21/4/2017 tại nhà nghỉ B, ở thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 106).

- Biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị V; chị Lò Thị N; anh Nguyễn Văn P; anh Nguyễn Thành L (Bút lục từ số 171 đến số 189).

- Biên bản ghi lời khai của người làm chứng: Anh Đoàn Ngọc S, sinh năm 1998, trú tại thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình là người có mặt tại nhà nghỉ B khi đi cơ quan Công an bắt quả tang hành vi phạm tội của các bị cáo và bà Hoàng Thị N là người làm thuê cho T tại nhà nghỉ B (Bút lục từ số 190 đến số 196).

- Đồng thời trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo là chứng cứ để kết tội lẫn nhau, và phù hợp với lời khai của những người làm chứng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp vật chứng vụ án đã được quản lý.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 18/4/2017 đến ngày 21/4/2017, tại nhà nghỉ B, ở thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, Mai Văn T đã đồng ý cho chị Bùi Thị V và chị Lò Thị N ăn, nghỉ tại nhà nghỉ để bán dâm cho khách có nhu cầu mua dâm tại nhà nghỉ. T đã thuê Nguyễn Văn N làm nhân viên lễ tân để xếp phòng, bố trí gái bán dâm cho khách, thu tiền của khách mua dâm; theo dõi, thanh toán tiền cho gái bán dâm và cho T; trực tiếp quản lý nhà nghỉ khi T vắng mặt. Ngày 19/4/2017 V bán dâm 4 lần, Lò Thị N bán dâm 4 lần; ngày 20/4/2017 V bán dâm 2 lần, Lò Thị N bán dâm 3 lần. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/4/2017, Nguyễn Văn N đã sắp xếp phòng 203 để V bán dâm cho anh Nguyễn Văn P; phòng 204 Lò Thị N bán dâm cho anh Nguyễn Thành L. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi các gái mại dâm đang thực hiện hành vi bán dâm cho khách mua dâm thì bị Tổ công tác đội 2, phòng PC45 Công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang.

Mai Văn T, Nguyễn Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có ý thực hiện hành vi chứa mại dâm tại nhà nghỉ B để thu lời bất chính. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Chứa mại dâm”, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, vì vậy thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc ta, xâm phạm nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Các bị cáo biết rõ pháp luật nghiêm cấm việc chứa mại dâm, nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo để cải tạo các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian 3 ngày (Từ ngày 19/4/2017 đến ngày 21/4/2017) thì bị bắt quả tang, như vậy thời gian phạm tội ngắn, cần xem xét tình tiết tình tiết này để lượng hình với các bị cáo cho phù hợp.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Mai Văn T thuê nhà nghỉ B để kinh doanh lưu trú, nhưng T đã đồng ý để cho gái mại dâm đến ăn ở tại nhà nghỉ, sử dụng nhà nghỉ làm nơi bán dâm, trực tiếp điều hành việc thu tiền của khách mua dâm, thanh toán tiền cho gái mại dâm. Vì vậy Mai Văn T giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Nguyễn Văn N được Mai Văn T thuê làm lễ tân nhà nghỉ, đã tích cực giúp sức cho T trong việc sắp xếp bố trí phòng, bố trí gái mại dâm bán dâm cho khách có nhu cầu, trực tiếp thu tiền của khách và thanh toán tiền cho gái mại dâm theo chỉ đạo của T. Như vậy Nguyễn Văn N là đồng phạm thực hành, có vai trò sau T trong vụ án.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo N là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo T đã một lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy nhiên bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án từ ngày 18/4/2010, đã được xóa án tích.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo”, “Ăn năn hối cải” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, vì vậy được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 tội “Chứa mại dâm” quy định mức hình phạt nhẹ hơn quy định của Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), do đó Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo, đồng thời áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tình tiết “Người phạm tội là con của liệt sỹ” để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Văn N vì bị cáo có bố là Liệt sỹ.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có thể áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, trong đó mức hình phạt của bị cáo T cao hơn bị cáo N và buộc các bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 254; Điều 30 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo T với mức 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo N chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

[6] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số bao cao su quản lý trong vụ án là vật các bị cáo chuẩn bị để phục vụ cho hoạt động mại dâm tại nhà nghỉ B, cần áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo phạm tội mà có trong ngày 21/4/2017 là 1.200.000 đồng;

Đối với số tiền các bị cáo phạm tội mà có trong các ngày 19/4/2017 và 20/4/2017, các bị cáo T và N đều khai không nhớ cụ thể, chỉ xác định vào cuối các ngày, bị cáo N đều đã thanh toán tiền thu được trong ngày cho bị cáo T. Tuy nhiên, qua lời khai của những người bán dâm, xác định ngày 19/4/2017, V bán dâm 4 lần, Lò Thị N bán dâm 4 lần; ngày 20/4/2017 V bán dâm 2 lần, Lò Thị N bán dâm 3 lần. Như vậy số lần các đối tượng đó bán dâm tại nhà nghỉ B là 13 lần, N đã thanh toán tiền cho các đối tượng bán dâm đầy đủ, số còn lại xác định là 1.300.000đ do bị cáo T quản lý, cần buộc bị cáo T phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Văn P và Nguyễn Thành L đã vi phạm khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP; hành vi bán dâm của Bùi Thị V, Lò Thị N đã vi phạm khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với họ bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Ông Phạm Văn T là chủ nhà nghỉ B đã cho Mai Văn T thuê nhà nghỉ từ ngày 28/3/2017 mục đích để kinh doanh lưu trú; Bà Hoàng Thị N được T thuê làm công việc nấu ăn và dọn dẹp vệ sinh tại Nhà nghỉ B. Ông T, bà N không biết và không tham gia vào hoạt động chứa mại dâm tại nhà nghỉ nên không có căn cứ để xử lý đối với ông T và bà N là đúng pháp luật.

Ngoài ra, tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án thể hiện có một người phụ nữ tên “L” thỉnh thoảng có ăn cơm với bị cáo N, bị cáo T và hai gái bán dâm tại nhà nghỉ B. Bị cáo N khai đó là vợ bị cáo T; Bị cáo T khai đó là bạn gái, quen qua mạng xã hội, có đến nhà nghỉ B chơi với T vài ngày rồi đi, không liên quan đến hành vi chứa mại dâm của T; hiện nay T không biết địa chỉ cụ thể của người đó. Chị Vũ Thị Thanh N - vợ bị cáo T tại phiên tòa trình bày không đến nhà nghỉ B lần nào, không biết việc bị cáo T chứa mại dâm. Bị cáo N xác định người phụ nữ tên L đó không phải là chị Vũ Thị Thanh N có mặt tại phiên tòa. Vì vậy không đủ cơ sở để điều tra xử lý đối với người phụ nữ đó.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Mai Văn T; Nguyễn Văn N phạm tội “Chứa mại dâm”

[2]Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Mai Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2017.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm tù, thời hạn hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2017.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 254; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009): Phạt tiền bị cáo Mai Văn T 10 (mười) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền quản lý của Nguyễn Văn N là 1.200.000 đồng.

- Buộc bị cáo Mai Văn T phải nộp lại 1.300.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp bao cao su và 29 bao cao su nhãn hiệu OK Longshock chưa qua sử dụng và 02 bao cao su đã qua sử dụng.

[4] Về án phí: Áp dụng điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Công an huyện, VKSND huyện, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; NCQLNVQLQ
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình